

Năm thứ 8 - số 79

Ngày 8-4 P. L. 2542

VIÊN-ÂM

NGUYỆT SAN

VIÊN-ÂM - 0X-0X-0X



CƠ-QUAN HOÀNG-PHÁP của HỘI VIỆT-NAM PHẬT-HỌC

Đ-2
8V

NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÃU NỊ PHẬT

tác giả : Trung minh

CHỨC MINH

Ngôi Hòa-Tượng chùa THUYỀN-TÔN

Ngôi Hòa-Thượng chùa TƯỜNG-VÂN

Ngôi Tăng-Cang chùa TÂY-THIÊN

MỤC LỤC

	Trang
Lời đầu ngữ	3
Như thế pháp	
Luận học : Đại-thừa khế-tín	TRI-QUANG dịch 3
Kinh học : Đại ý Kinh Thử-lăng-Nghiêm	12
Dịch tiếp Kinh Thử-lăng-Nghiêm	THIỆN-SIÊU
Diễn-Dàn : Mục đích Hội Việt-Nam Phật-Học	CU-SĨ CHƠN-AN 16
Phật-Giáo nghiên cứu :	
1. Nguyên-nhệ căn đạo Phật	HÙNG-KHANH 19
Đón gĩa hương đàn	TỔNG-ANH-NGHỊ 24
Những mẫu chuyện đạo	MINH-CHÁU 28
Vị sáng-lập Phật-Giáo : Thích-Ca-Mâu-Ni	CAO-HỮU-ĐÌNH 31
Thơ, Ngày Muôn-thuở	TỔNG-ANH-NGHỊ
Phật giáo phổ thông	37
	(Trích tập thơ Phật) 38
Tin-tức	39

B) LUẬN HỌC

Luận ĐẠI THỪA KHỞI TÍN

Tác giả: NGÀI MÃ-MINH BỒ TÁT

Dịch tiếng Phạn ra tiếng Trung-Hoa: PHÁP-SU CHÂN-ĐỀ

Dịch tiếng Trung-Hoa ra tiếng Việt: TRÍ-QUANG

GIẢI THÍCH ĐẦU ĐỀ. — «Đại-Thừa Khởi Tín» nghĩa là phát khởi lòng tin đối với giáo-lý Đại-Thừa. Hay cắt nghĩa một cách khác: diễn giải giáo-lý Đại-Thừa để phát khởi chánh tín cho mọi người; cho nên gọi là Đại-Thừa Khởi-Tín Luận, gọi tắt là Luận Khởi Tín.

Diễn giải giáo-lý Đại-Thừa để phát khởi Đại-Thừa chánh-tín, đó là tất cả mục đích quyền luận này. Nhưng Đại-Thừa là gì? Nói vắn tắt cho dễ hiểu: Đại-Thừa là tâm pháp của chúng ta. Tất cả giáo-lý Đại-Thừa chỉ là ngôn thuyết phổ diễn Tâm Pháp ấy.

Tại sao Tâm Pháp là Đại-Thừa? Vì nó có ba điều rộng lớn sau đây:

1°/ Thê rộng lớn chơn như của Tâm phổ biến tất-cả các pháp; 2°/ Tướng rộng lớn: tâm tánh đầy đủ vô lượng tánh công-dức; 3°/ Dụng rộng lớn: tâm tánh có thể phát sinh tất cả thiện nhân quả. Vì Tâm pháp có 3 điều rộng lớn ấy nên gọi là Đại, và cũng vì Tâm Pháp cao cả như vậy nên ba đời các đức Phật đều nương dựa tu tập theo Tâm Pháp mà đến quả Vô-thượng giác nên gọi là Thừa.

Tâm tánh Đại-Thừa của chúng ta như vậy nhưng nào có ai tự tín? Vì không tự tín Tâm Pháp Đại-Thừa nên phải tùy trần tục ảnh, phiêu trầm trong bể khổ. Đây là nguyên do khiến Ngài Mã-Minh Bồ-Tát làm cuốn luận Khởi tín này.

LƯỢC SỬ. — Mã-Minh Bồ Tát, tiếng Phạn viết là AS-VAGHOSA, người Trung-Ấn-Độ, sinh khoảng 600 năm sau Phật diệt độ. Ngài là đệ tử của Hiệp-Tôn giả, ty-tô của Đại-Thừa Phật-Giáo phục hưng. Ban đầu tu theo

tuyệt bỏ rằng: «các vị Tỷ-Kheo ai dám biện luận với tôi thì đành chuông rạo lên, ai không thì phải hoàn tục». Lúc bấy giờ Hiếp-tôn-giả ở Bắc Ấn-Độ, biết rằng Ngài đã đến lúc giáo-hóa được, nên về Trung Ấn-Độ vào một ngôi chùa, bủa đánh chuông lên để luận-nghị. Kể quả Ngài thua và xin nguyện làm đệ-tử của Hiếp-tôn-giả. Rồi Hiếp-tôn-giả trở về Bắc-Ấn, Ngài ở lại Trung Ấn hoằng thông chánh pháp, nhân gian ai cũng kính phục. Sau đó quốc vương nước Tiểu-Nguyệt vây đánh Trung Ấn. Quốc vương Trung-Ấn sai sứ - giả hỏi muốn gì. Quốc vương Tiểu-Nguyệt trả lời phải hiến 20 triệu vàng. Quốc vương Trung-Ấn trả lời không đủ. Quốc vương Tiểu-Nguyệt bảo: nhà vua có hai thứ này hết sức quý là bình bát của Phật và Mả-Minh Bồ-Tát. Nếu nhà vua thuận giao hai thứ ấy thì trừ vàng. Mả-Minh Bồ-Tát nghe thế, bảo Quốc vương Trung-Ấn nhận lời.

Quốc vương Tiểu-Nguyệt về, quần-thần-bộ: Bình bát của Phật quý giá, trừ 10 triệu vàng thì phải rồi, còn ông Tỷ-Kheo tại đâu chả có mà trừ mất 10 triệu vàng. Nhưng riêng nhà vua biết Mả-Minh Bồ-Tát là bậc cao minh Đại-Đức, biện tài cảm đến cả súc vật, bèn triệu tập nhân dân lại và đem một đàn ngựa ràng trước giảng đường rồi mời Mả-Minh Bồ-Tát thuyết pháp, làm cho ai nấy đều khai ngộ, và đàn ngựa cảm đến nỗi cho cỏ không ăn mà chỉ chảy nước mắt nghe Ngài thuyết pháp. Bởi vậy mà thiên-hạ ai cũng biết Ngài là một vị Tỷ-Kheo phi thường, và gọi Ngài là Mả-Minh Bồ-Tát. Sau đó Ngài đại hoằng chánh-pháp ở Bắc Ấn, lợi ích cho nhân gian, ai cũng kính trọng nên gọi Ngài là Mặt trời công đức.

Trên đây là trích dịch trong quyển truyện của Ngài. Có chỗ khác chép Ngài thuyết pháp thường vừa diễn giải vừa đánh đàn. Những bài diễn giảng ấy gồm cả tán văn và vận văn, còn chép lại trong Trang-Nghiêm luận và

Vì Ngài đã có tài diễn thuyết mà lại là một thi gia giỏi âm-nhạc như vậy, nên lúc Ngài thuyết pháp ngay cả loài ngựa cũng cảm vì tiếng đàn mà rơi lụy không ăn. Bởi đó mà người ta gọi Ngài là Mả-Minh Bồ-Tát.

NGUYỄN NHÂN BỘ LUẬN NÀY. — Quyền Đại-Thừa Khởi-Tín này là căn cứ và tổng hợp các khế kinh Đại-Thừa như Tư-Ich, Lăng-Già v.v. mà viết. Nhưng mặt trái của nó, Ngài Mả-Minh Bồ-Tát vì phản lại một tư tưởng nào mà viết ra ?

Lịch-sử chép : 600 năm sau đức Thế-Tôn nhập Niết-Bàn, bây giờ là lúc tà thuyết phân vân, Tiểu thừa đại thịnh, giáo lý Đại-Thừa vì vậy mà phải ẩn một; tu chứng là tu chứng Tâm Pháp, vậy mà Đại-Thừa Tâm Pháp như đàn tỳ bà không nghệ-sĩ, nên Ngài Mả-Minh viết ra quyền luận này, và Đại Tôn Địa Huyền Luận v. v. để giải - thích căn-bản nghĩa của Như-Lai, nêu cao Đại-Thừa Tâm-Pháp. Cho nên sau đây Ngài bày tỏ mục đích của Ngài rằng : « Muốn làm cho chúng-sanh trừ nghi bỏ tà chấp khỏi chánh tín Đại-Thừa, Phật chủng không đoạn tuyệt ».

LỊCH SỬ PHIÊN DỊCH CỦA LUẬN NÀY : Luận Khởi tín này có 2 Đại-Đức Ân-Độ dịch ra văn Trung-Hoa :

1°) Ngài Bà-Li-Mật Đà (Chân-Đế, người Tây Ấn-độ) dịch thành một quyền ở chùa Kiến-Hưng vào đời Lương.

2°) Ngài Thất-Xoa Nan-Đà (Hỷ học, người Vu Điền) dịch thành hai quyền ở chùa Phật thọ ký vào đời Đường.

Hai bản dịch này thật ra không khác gì nhau cả, nghĩa lý lẫn thứ tự, một Ngài dịch thành một quyền, một Ngài dịch thành hai quyền, nhưng đều 24 tờ cả. Song bản dịch của Ngài Thất Xoa Nan Đà có phần giản-dị hơn, nên nhờ bản dịch ấy chúng ta so qua bản dịch của Ngài Chân-Đế lại càng nhận thấy được chỗ sâu

Bản dịch này là dịch bản của Ngài Chân-Đế, còn giải thì căn cứ cả hai bản dịch và quyển Trục giải của Ngài Đức-Thanh mà viết ra.

Ngoài ra, Đại-Thừa khởi tín luận xưa nay số giải nhiều lắm, song có thứ tôi chưa được đọc, có thứ đọc rồi thì lại không có trong khi viết bài này, nên không được dùng để làm tài-liệu.

I

TỰ LUẬN

QUY MẠNG VÀ ĐẰNG LỄ
ĐẮNG BA NGHIỆP TỐI THẮNG
Ý KHẮP BIẾT CÁC PHÁP
THÂN KHÔNG NGẠI TỰ TẠI,
TÂM ĐẠI BI CỨU ĐỜI;
VÀ THỂ TƯỚNG THÂN ẤY,
BỀ PHÁP TÁNH CHƠN-NHƯ,
KHO VÔ LƯỢNG CÔNG ĐỨC;
BẠC NHƯ THẬT TU HÀNH,
TRONG MUỖI PHƯƠNG BA ĐỜI.
MUỐN LÀM CHO CHÚNG SANH
TRỪ NGHI BỎ TÀ CHẤP,
KHỞI CHÁNH TÍN ĐẠI-THỪA,
PHẬT CHÚNG KHÔNG ĐOẠN TUYỆT.

Có pháp có thể phát-khởi tín căn Ma-Ha diễn nên phải nói. Nói có năm phần: một là phần thuận-duyên, hai là phần lập-nghĩa, ba là phần giải-thích, bốn là phần tu-hành tín-tâm, năm là phần khuyến tu lợi-ích.

Đây là đoạn văn Ngài Mã-Minh Bồ-Tát quy kinh Tam-Bảo và thuật mục-dịch căn bản, cùng nội dung của luận Khởi-Tín này.

Ba nghiệp tối thắng:

- 1) Ý tối thắng: trí-huệ khắp biết các pháp.
- 2) Thân tối thắng: tướng hảo trang nghiêm vô tận.

Các đấng ba nghiệp tối thắng là Phật-Bảo, pháp tánh chơn như là Pháp-Bảo, các vị Như thật tu hành là Tăng-Bảo.

Pháp tánh là thể tánh các pháp, thể tánh ấy không hư-huyễn, không vọng đảo, nên gọi là chân như. Pháp tánh chân như là Đại-Thừa tâm Pháp vậy. Tâm pháp ấy chúng sanh chưa Phật vẫn đồng, chỉ vì mê ngộ mà có ẩn-hiện. Nên thể chứng Pháp tánh chơn như là Phật, như chân như mà tự lợi lợi tha là Tăng. Phật, Pháp, Tăng Tam-Bảo là căn bản của Phật tử. Phật tử đều nói, đều làm, đều viết, cho đến dầu tu dầu chứng cũng đều không ngoài Tam-Bảo ấy. Nên Ngài Mã-Minh quy kinh Tam-Bảo là đề cầu gia bị cho lời mình viết trên hợp ý Phật, dưới lợi quần sanh, và đề tỏ quyền luận Khởi-Tín này, nói không ngoài Tam-Bảo.

Pháp là Tâm Pháp. Ma-Ha-Diễn là Đại-Thừa. Đại-Thừa Tâm Pháp là căn bản của luận này, Tôn chủ Tâm Pháp ấy là chơn như, nên chư Phật đại giác là giác ngộ Tâm Pháp ấy. Bồ-Tát Tăng như thật tu-hành là tu-hành Tâm Pháp ấy, mà chúng sanh mê, là mê nghịch Tâm Pháp ấy, nên quyền luận Khởi-Tín này, Ngài Mã-Minh căn-cứ Tâm Pháp ấy mà làm ra, mục-dịch duy nhất là muốn khiến chúng sanh trừ nghi bỏ chấp, như thật tin, như thật hành Tâm Pháp Đại-Thừa, nối tiếp chư Phật lên vị Đại-Giác, làm cho Phật chúng không đoạn-tuyệt.

Nội dung bộ Khởi-Tín này có năm phần: phần I nói lý-do, phần II và phần III là nêu lên và giải-thích, phần IV và phần V thì chỉ phương-pháp và tỏ lợi ích của sự tu-tập Đại-Thừa Tâm-Pháp. Ấy vậy tự thì chỉ chung, Khởi-Tín luận, cái tôi chỉ Đại-Thừa Tâm-Pháp.

PHẦN NHÂN DUYÊN

HỎI : Vì nhân duyên gì mà làm bộ luận Khởi Tín này ?

ĐÁP : Nhân duyên ấy có tám : Tám thứ là gì ? một là nhân duyên chung, là vì muốn làm cho tất cả chúng sanh hết tất cả khổ, được vui rồi ráo, không phải cầu danh lợi và sự cung kính của thế-gian. Hai là vì muốn giải thích căn bản nghĩa của Như-Lai để cho chúng sanh hiểu đúng đắn không sai lầm. Ba là vì muốn làm cho những người thiện căn thành-thực đối với pháp Ma-Ha-Diễn kham nhận không thoái tín tâm. Bốn là vì muốn làm cho những người thiện căn bạc nhược tu tập tín-tâm. Năm là vì chỉ phương tiện tiêu nghiệp chướng ác, khéo giữ từ tâm, xả bỏ si-mạng, ra khỏi lưới tà ma. Sáu là vì chỉ cách tu tập Chỉ và Quán để đối trị tâm của phàm phu và nhị thừa. Bảy là vì chỉ phương tiện chuyển niệm, tỉnh trước chư Phật, thì chắc chắn quyết định không thoái thất tín-tâm. Tám là chỉ vì lợi ích để khuyến tu hành. Có những nhân duyên như vậy nên tôi làm luận này.

HỎI : Trong Tu-Đa-La đã có đủ pháp ấy, vẫn chỉ nói nữa?

ĐÁP : Trong Tu-Đa-La tuy có pháp ấy nhưng vì chúng sanh căn hạnh không đồng, nhân duyên làm cho họ được chánh giải cũng khác nhau. Như khi đức Như-Lai còn ở đời thì chúng sanh căn hạnh lành lợi, người nói thì thân nghiệp, mau nghiệp đều thù thắng, viên âm một khi diễn ra thì chúng sanh khác giống loài mà hiểu biết tất cả, thế thì không cần đến luận. Nhưng sau khi đức Như-Lai Niết-Bàn thì hoặc có người do trí-lực của mình nghe nhiều mà hiểu biết; có người cũng do trí-lực của mình, nghe ít mà hiểu biết; có người không đủ trí-lực phải do bộ luận rộng nhiều mới được hiểu biết, nhưng cũng có người cho luận rộng vẫn nhiều là phiền Phược, ý muốn tổng trì một thứ văn ít mà gồm nhiều nghĩa mới được chánh giải. Như vậy chính luận này vì muốn bao gồm tất cả thâm pháp rộng lớn vô biên nghĩa lý của đức

Căn hành là trình độ tâm lý mà hành động. Vì căn hành của chúng sanh có muôn vàn sai biệt, nên phải có kinh lại phải có luận, có luận rộng lại phải có luận hẹp; dù trong Kinh Phật đã nói Đại-Thừa Tâm Pháp một cách đầy đủ rồi mà luận KHỞI TÍN này cũng phải giải-thích.

Cái nguyên do có luận này, trước hết là vì lòng Đại Bi của Ngài Mã-Minh Bồ-Tát muốn làm cho tất cả chúng sanh dứt tất cả khổ được vui rốt ráo. Vì mục đích ấy nên Ngài mới viết luận này giải thích căn-bản nghĩa của chư Phật, căn bản nghĩa ấy là Đại-Thừa Tâm Pháp vậy. Tất cả các vị Bồ-Tát đều làm gì, đều nói gì, cũng không ngoài mục-dịch giải thích căn-bản nghĩa để lợi-lạc hữu tình, chớ không cầu danh-dự, không cầu quyền lợi, không vì sự cung kính.

(Còn tiếp)



KINH HỌC

Đại ý Kinh THỦ LĂNG NGHIÊM

Phật cột khăn đũa chỉ sự triển phược và cách
giải-thoát

(tiếp theo bản dịch kinh Lăng Nghiêm số 47)

Ông A-Nan sau khi nhờ Phật phương-tiện chỉ bày liền nhận biết Như-Lai tạng-tánh vốn là nhất thể, không phải một cũng không phải sáu, chỉ vì lầm chấp tự tâm rồi phân thành năng sở. Năng là kiến phần, sở là tướng phần ràng buộc cùng nhau mà sanh có sáu căn, những căn ấy là những gút noi Như-Lai tạng-tánh cho đến nào sanh tử nào luân-hồi, nào Niết-bàn nào Bồ-đề, những tướng phân-biệt đối đãi trong thế gian cũng đều là các cái gút do vô minh ràng buộc, căn-trần giả-dối đối-dãi hiện ra. Vậy nên hiện nay 6 căn, tuy khác mà rất-ráo không hai, tuy rất rảo không hai song chúng ta còn mê thì chưa làm sao nhận được một, huống gì được gọi là mở cả sáu mà quên luôn cái một.

Dầu Ông A-Nan đã nhận 6 căn mê lầm đối với Như-Lai tạng cũng như 6 gút đối với cái khăn, nếu 6 căn giải-thoát dạng rồi thì trước sau không khác, bây giờ nơi Như-Lai tạng không có gì đáng gọi là 6 nên cũng không đo đâu mà gọi là một. Về phần lý giải tuy là như vậy song về phần sự tu thì cần hiểu phương tiện và phải gia công; hiện phương tiện tu là hiểu cách giải-thoát các căn, cũng như người muốn hết gút phải biết cách mở, cho nên Ông A-Nan lại cầu Phật dạy cho cách tức mở trừ. Đức Như-Lai liền lấy cái khăn đã cột thành 6 gút trước kia nắm một mối khăn kéo xiên về bên hữu rồi lại nắm một mối khăn kéo xiên về bên tả đờ hồi Ông A-Nan thế này mở trừ không?

Cả hai lần ông A-Nan đều đáp không thể mở được. Nhân đó Phật mới chỉ cho ông A-Nan biết muốn mở trừ cái gút

Hiện tiền căn-tánh vốn thường hiển liễu minh tri không phân biệt, không ghét thương, không hạn cuộc, nhưng chỉ vì vô-thỉ các tập khí hư-vọng, động sanh động diệt làm ngăn che trở ngại phần căn trần ra làm sáu thứ, đối hiện với nhau giả đối hiện ra sáu thức, nếu chưa trải qua một phen phát-minh căn tánh thì làm sao chứng được bản tâm phi nhứt phi dị và tự-tại giải-thoát!

Trước đây Phật chỉ cách mở trừ các gút nơi cái khăn là cốt nung dó để dạy cách thức trừ diệt các kiết căn nơi Như-Lai-Tạng:

1) Phải mở trừ chính nơi trung tâm của kiết căn. Do kiến tướng dính nhau mà có 6 căn phát hiện, đã có 6 căn hiện thì căn này không phải căn kia căn kia, không phải căn này, đối-dối với nhau mà thành có bĩ thử phân vân nhưng xét ra cho kỹ thì căn nào cũng đều không thiệt có, tùy duyên mà hiện có, tùy duyên mà hiện không, tự tánh vốn là vô tánh, vốn là tánh diệu chân như của Như-Lai tạng, mặc dầu vào sanh ra tử, hoặc thánh, hoặc phàm, căn tánh ấy vẫn không thêm không bớt. Mà làm nó là nguyên do cốt thành gút, phát minh đúng nó ấy là mở gút do trung tâm. Như nay, nơi 6 căn ấy, tùy theo tâm lượng thích hợp với căn nào, hãy lựa lấy một căn mà hạ thủ công phu, không cuộc nơi tướng phần, chẳng chần nơi kiến nhãn chỉ suy tìm cho ra Như-Lai tạng tánh, thì mặc dầu kiến phần, tướng phần đối nhau mà cái gút đã tiêu-trừ thì các trần tướng không làm sao ô nhiễm. Cái mê vọng nhiễm ô đã tiêu mất rồi thì chọn tánh liền đứng tỏ rõ.

2) Khi mở phải có tuần tự. Khăn vốn là một, do cột 6 lần mà thành ra 6 gút, cột thành gút thứ nhứt rồi lần lượt cột thành gút thứ 6. 6 gút tuy đồng thể song khi cột có trước có sau nên khi mở không thể đồng thời mà mở hết liền được. Sáu căn khi giải trừ cũng như thế, nghĩa là 6 căn nhưn mê không liễu đạt đạo lý vô sanh, trở chấp các pháp thiệt có, phân thành năng sở, rồi chấp riêng một phần thất nhận để làm tự ngã, thế là khi mở chấp thì

từ sâu ra cạn từ tế đến thô. vậy nên lúc giải trừ phải lần lửa từ cạn vào sâu, từ thô đến tế. Khi đã chọn một căn đề tu-hành, xả bỏ các duyên-tiền : sắc, hương, vị, xúc cùng kiến văn tri giác mà xoay về nơi căn tánh, căn tánh đã không hai, nên một căn, bề được không mà thì tất cả 6 căn đều được trọn mớ, vậy thì còn do đâu mà chấp ngã. Nên trước hết chứng dạng như không. Tuy vọng đã hết mà chơn chưa quên, còn thấy có cái chơn không phải là vọng, thành thử còn bị pháp chấp ràng buộc, cái tánh không chưa động viên mãn sáng-suốt vì mới không một phần như chấp, hết phiền-não hoặc. Lần lần diệt từ quan-niệm sai lầm chơn không phải là vọng ấy thì cái tánh không động viên-mãn, giải-thoát hết thấy pháp chấp, dứt trần sa hoặc. Chẳng những không thấy có cái hư-vọng tiêu-trừ (cũng không thấy có cái chơn nào đối lại).

Nhưn và pháp đã đều không rồi thì cái đều không (cơ khôn) ấy cũng không thiết có, phá trừ hoặc kiết vô minh chứng tánh chơn không và an-trú vô sanh pháp nhàn.

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM (THIỆN SIÊU DỊCH)

DIỄN NGHĨA - Ông A-nan và cả đại-chúng nhờ Phật khai thị mà huệ giác đồng viên-mãn dung thông, không còn điều chi nghĩ hoặc, đồng thời chấp tay dâng lễ dưới hai chân Phật mà thưa Phật rằng : « Chúng tôi ngày nay thân tâm đều được rỗng rang không còn nghi-nại, tuy lại ngộ biết cái nghĩa một và sáu đều mất mà còn chưa đạt thấu cái căn viên thông thủ thống ra thế nào ? Thưa đức Thế-Tôn, chúng tôi bị phiền linh lâu đời, có lộ nhiều kiếp, đâu ngờ ngày nay lại được vự vào làm anh em với Phật, thế cũng như đứa con mất sữa bỗng gặp được Từ-Mẫu ! Nếu lại nhân cơ-hội gặp này động thành đạo-quả thì những lời vì mặt được nghe trước kia lại đồng chỗ Bền ngộ, nên cùng với lúc chưa nghe không có sai khác. Trông mong đủ lòng Đại-Bi ban dạy cho tôi lời bí-mật diệu-nghiêm, hầu động thành-tựu chỗ khai-thị cuối cùng của Như-Lai » Nói lời ấy xong năm vóc sát đất lễ Phật rồi lui dấu cơ vi-mật, mong chờ lời trao dạy của Phật. Lúc bấy giờ đức Thế-Tôn khắp bảo các Bồ-Tát và A-La-Hán đã lớt các lậu, hiện ở trong chúng : « Các người Bồ-Tát và A-La-Hán đều đã được thành bực vô học ở trong pháp của ta, ta nay hỏi các người lúc ban sơ phát-tâm trong 48 giới, ai đã do môn nào mà chứng ngộ viên thông và do

Ông Kiều-Trần-Như trong hững năm Tỷ-Kheo, liền từ chỗ ngồi đứng dậy dõnh lễ chân Phật (mà thưa Phật rằng: «Tôi ở nơi Lạc-Ưuên và Kê-viên xem thấy đức Như-Lai khi mới thành Đạo, nhìn nghe âm-thanh của Phật thuyết pháp mà tỏ ngộ lý tức-dĩ, Phật hỏi các Tỷ-Kheo thì tôi trước hết được gọi là «hiếu», Như-Lai ăn chứng cho tôi tên A-Nhu-Đa, ăm-thanh vi-diệu châu mặt viên-dung, tôi do nơi âm-thanh kia mà thành bậc A-La-Hán. Nay Phật hỏi phép viên-thông thì như chỗ sở chứng của tôi âm-thanh là hơn cả».

Ông Ưu-Ba-Ni Sa-Dã, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, dõnh lễ chào Phật mà thưa Phật rằng: «Tôi cũng xem thấy Phật lúc mới thành đạo, nhìn quán tướng bất tịnh, sinh tâm rất nhàm chán muốn xả lìa, rõ các sắc-lãnh, từ tướng bất tịnh, đến tướng xương trắng, từ trần, rồi tan vỡ hư-không, sắc không, không hai, thành Vô-học-đạo. Đức Như-Lai ăn chứng cho tôi tên Ni-Sa Đà, sắc phù trần tiêu lết, sắc diệu tánh châu mặt viên-dung. Tôi từ sắc tướng kia mà thành bậc A-La-Hán. Nay Phật hỏi Viên-thông, thì như chỗ sở chứng của tôi, quán sắc làm nhưn là hơn cả».

Ông Hương-nghiêm đồng tử, liền từ chỗ ngồi đứng dậy dõnh lễ chào Phật, mà thưa Phật rằng: «Tôi nghe đức Như-Lai dạy tôi chín chắn quán các tướng hữu vi, tôi liền từ tạ Phật lui về nhà thanh trai yên tĩnh, trông thấy các Tỷ-Kheo đốt hương Trầm-Thủy, mùi hương lộng lẽ bay trong mũi, tôi quán sát mùi hương đó chẳng phải là gỗ, chẳng phải hư không, chẳng phải khói, chẳng phải lửa, đi không chỗ tới, đến không chỗ bắt đầu, do đó vọng ý tiêu vong, phát minh tánh vô lậu. Đức Như-Lai ăn chứng cho tôi hiệu là Hương-nghiêm. Hơi hương phù trần thoắt diệt, hơi hương diệu-tánh được mặt viên, tôi do nơi Hương nghiêm kia mà thành bậc A-La-Hán. Nay Phật hỏi Viên-thông thì như chỗ sở chứng của tôi hương nghiêm là hơn cả».

Hai Vị Pháp vương tử Đuợc Vương, Đuợc Thượng cùng 500 Phạm Thiên trong hội, liền từ chỗ ngồi đứng dậy dõnh-lễ chào Phật mà thưa Phật rằng: «Tôi từ vô-thỉ kiếp làm vị lương-y trông đời, miệng tôi từn nếm các vị cỏ, cây, vàng, đá, của thế-giới Ta Bà này, số đến 40 vạn 8 ngàn thứ, như vậy thấy đều biết thiếu vị của nó, đắng, chua, mặn, lạt, ngọt, cay, các vị hoà hiệp, củ sanh, biến dị, cho đến nỏ là lạnh, là nóng, có độc hay không đều biết khắp cả, lại nhận thừa sự đức Như-Lai mà hiểu rõ vị tánh chẳng phải không chẳng phải có, chẳng phải tức thân tâm, chẳng phải rời thân tâm, do hay phân biệt bốn nhân của vi trần, mà động khai ngộ, mong nhờ Phật ăn chứng anh em tôi hiệu là Đuợc vương Bồ-Tát, Đuợc Thượng Bồ-Tát, nay làm Pháp vương-tử ở trong hội này, nhận và, động giác ngộ, lên hàng Bồ-tát. Nay Phật hỏi Viên-thông thì như chỗ sở chứng của tôi, quán vị làm nhưn là hơn cả».

DIEN ĐÀN

Mục đích Hội Việt-Nam Phật-Học

Cư Sĩ Chơn An

Phật Học, một danh từ giản-dị mà ý-nghĩa sâu-xa. Đạo Phật cao-siêu muốn hiểu thấu phải dày công học-hỏi. Học rộng nghe nhiều, tỏa phần lý-giác dè dỏ mà xét suy đạo-lý thể nào là vọng, thể nào là chơn, chọn phép tu-hành không đến nỗi nghe cần tin nhầm.

Trải bao kiếp tu nhơn tích đức, ngày nay mới hưởng đặng phúc sinh làm thân người; được nghe pháp Phật, còn tự hãm mình trong vòng mê-tin thì tai hại biết chừng nào!

Tu theo lối hôn trầm ủy-my, đạo-lý mịt-mù mà trông đặng chứng thành quả Phật, thì có khác gì nấu cát mà chờ chín thành cơm.

Hội Phật học ra đời, chính là để biểu-dương giáo-lý Đại-Thừa, khuyến-khích bà con tu-học cho nhắm đường chánh. tỉnh-ngộ lỗi tin mù-quáng sai-lầm. Bối chỗ dụng-tâm thành-thực như thế nên không dám hư trương những danh từ hoa mỹ có ý tự tôn, mà chỉ chọn lấy hai chữ «Phật-Học» vừa kính, vừa khiêm để tự mệnh danh và để cho Hội-Hữu luôn luôn có dịp nhớ tưởng đến danh-nghĩa Hội mà chăm lo phận-sự.

Nói rằng tu, chưa phải là nhứt khái yếm ly thể sự như một đoàn-thể Tăng-Già. Hội-viên đang theo giới luật Ưu-Bà-tắc, rửa gột lần hồi những tâm niệm tham sân ích-kỷ, trước để tạo thành một xã-hội hiền-lương, rồi từ đó ai đủ cơ duyên sẽ tăng tiến tu-trì cho đến ngày giác-ngộ.

Nói rằng học, không phải theo chương-trình một trường dạy Tăng-Đồ, chỉ tổ chức những cuộc giảng Kinh, thuyết-pháp và xuất-bản báo-chương, để cho hàng Hội-hữu sơ-cơ hiểu biết một cách phổ-thông về Phật-pháp. Các bạn Trĩ-thức, nếu muốn đi sâu vào đạo-lý thì đã có kinh-diễn tôn tàng trong thư-viện, có các vị giảng-sư sẵn lòng pháp-thí giải-

Hội thờ một tôn-chủ quang-minh chánh đại là «hoằng-dương Phật-pháp lợi-lạc hữu-tinh». Có người vội nghĩ cho đó là một lời vu khống. Tưởng nên dùng dịp viết bài này để giải-thích cho rõ-ràng. Theo danh-ngữ đã định Hội vẫn chủ-trương lo học mà tu, nhưng một hội-viên học Phật, ngàn vạn Hội-viên học Phật, số người tham học Phật-pháp, ngày một thêm đông, thì pháp-âm vang dội cũng khắp mười phương, nghĩa chữ «hoằng-dương» là thế.

Hữu-tinh là chỉ tất cả muôn loài có thức tâm trong pháp giới. Trên trường huyền mộng đang kiên-cố đấu tranh, xâm lăng tàn-sát lẫn nhau, không một Sát-na nào ngớt tiếng kêu rên than khóc. Muốn giới tham chỉ sát phải nhờ sức thiêng-liêng cảm-hóa của đạo Từ-Bi. Hội khuyến-khích đồng bào phát-tâm tin Phật, giữ giới tu hành. Theo tám đường chánh (Bát chánh đạo) làm mười điều lành (thập thiện) đủ làm cho cảnh giới hưng tàn êm dịu.

Vẫn biết những điều ác-nghiệt mà chúng sanh đồng nghiệp đã tạo ra từ đời vô-thỉ, không thể nào trong một thời gian ngắn-ngủi đã dễ tiêu ma, nhưng giảng dụ từ từ, thêm một số người lành, bớt một số người dữ, thế là loài hữu-tinh đã lợi lạc được vài phần. Cứ như thế mà tiến lên, Hội-hữu ai nấy đều chia gánh một phần trách nhiệm hoằng dương chánh-pháp, tất nhiên có một ngày chuyển Ta-Bà ra Tịnh độ, sanh-linh sẽ cùng nhau chung hưởng phước yên-vui.

Hội chiếm một địa-vị khá quan trọng trong quốc-độ Việt-Nam, đã 17 năm nay. Hành sự như thanh thiên bạch nhật, không dung-túng một cử-chỉ gì ám-muội xấu-xa. Theo điều-lệ quy-tắc Hội, trong những cuộc nhóm-họp cấm ngặt không được phỉ-báng các tôn-giáo khác, không được bàn luận về chánh-trị. Tại sao? Hai điều ấy trái hẳn với tinh-thần Phật-giáo.

Tôn-giáo nào cũng có chủ-trương riêng, nhưng cũng đều đứng trên nguyên-tắc nhân-tử, đạo-đức. Giữa xã-hội thường

Đạo Phật dạy : «Oán thân bình-dẳng» tuyệt nhiên không chia có ngã có nhơn, huống nữa là cầu oán với người, càng không xứng-dáng với đức-độ Đại-Từ, Đại-Bi của chư Phật.

Chánh-trị có nhiều màu sắc, có nhiều đảng phái đối-phương, chẳng những cái trái không chung nhau mà cái phải cũng khó bề duy nhất, lắm lúc phải dùng mưu thần chước-quỷ, phải đem binh-oai ra mà đối-đãi với nhau. Nợ thua hơn vay trả không ngừng, cuộc diễn hòa-bình của thế-giới biết đến kiếp nào mới thực-hiện, thế thì Phật-giáo biết làm sao mà len-lỏi vào trong cho được.

Phật-giáo không phân-biệt màu da chủng tộc trên đường đạo-đức không chia giai-cấp sang-hèn. Nhứt thị đồng nhơn, cảm-hóa nhờ căn-lực từ-thiện không dùng oai vũ mưu-mô. Hai cái lập-trường mâu-thuẫn với nhau, một khi đã phải đem ra mà hỗn đồng lại thì Phật-giáo mất liên bản-sắc, không còn uy-tín để hóa-độ quần-sanh mà chánh-trị cũng không thấy gì là lợi, vì cái đạo-đức trá-hình khó che-đậy lắm.

Thà rằng giữ lấy tinh-thần Phật giáo cho cực-kỳ thuần-túy để làm tiêu biểu trên nền đức-độ thì nhơn-quần xã-hội còn nhiều phúc-quả về sau. Hội-viên nào muốn tham-gia việc nước, thì cứ tùy theo chức-nghiệp/cơ-duyên, lấy tư-cách cá-nhân mà ứng-dụng. Tránh cho khỏi mang tiếng lợi dụng danh nghĩa của đoàn-thể để mua đánh chác lợi cho mình thì quý-hóa vô cùng.

Hội-Hữu chúng ta, từ trước đến nay, nhờ chủ đồng tu mà đối-đãi với nhau như một gia-đình thân ái, chung lòng góp sức xây-dựng nền đạo-đức cho cao-đầy. Hệ-thống tung-hoành mà vẫn tuân-tuân theo kỷ-luật. An vui chung hưởng, hoạn-nạn có nhau, nhờ cái tinh-thần đoàn-kết chặt-chẽ và thành-thật đó mà vận-mệnh Hội được miên-trường. Lại nhờ sức huân-tập đạo-lý lâu ngày, mà phần đông Đạo-hữu ra gánh-vác việc Hội với một tâm-hồn cao-khiết không mưu-đồ danh-lợi, không đố kỵ hiềm-năng. Lợi cho Đạo là hoan-hỷ tán-thành, không xen một ý-niệm gì nhơn ngã. Không nghĩ đến một phần-thưởng gì, không vì sợ một sự trách phạt gì, mà vẫn tận-tụy với công việc chung của đoàn-thể, hy-sinh tất cả quyền-lợi cá-nhân mình. Nhờ vậy mà công việc Hội càng ngày càng phát-đạt, thanh danh lung-lẫy khắp trong ngoài.

Câu ơ Tam-Bảo hộ-trì cho Hội «Việt-Nam Phật-Hội» chúng ta có đủ nhân-duyên để giữ vững tinh-thần miên-doi như một.

PHẬT-GIÁO NG HIÊN-CỨU

Mười hai Nguyên-lý của Đạo Phật

(do Hội Phật-Giáo Luân-Đôn phát biên, dưới quyền
chủ-tọa của Ông CHRISTMAS HUMPHREYS)

HÙNG-KHANH dịch

Đức Phật Thích-Ca sanh ở phía Bắc Ấn-Độ vào khoảng năm 563 trước kỷ-nguyên này. Ngài là một vị Thái Tử. Đến năm 30 tuổi, ruộng bỏ cuộc đời phù hoa đầy khổ hải, Ngài bỏ nhà ra đi tìm phương thuốc diệt khổ cho nhân-loại. Sau những năm tìm tòi, Ngài chứng được đạo Bồ-Đề, thành Phật. Ngài là đấng hoàn-toàn giác-ngã. Từ đây cho đến lúc nhập diệt, Ngài dạy cho mọi người đến với Ngài, con đường «Trung-Đạo» đưa người thoát vòng khổ não.

Ngài nhập diệt rồi, giáo-lý của Ngài lan tràn khắp mọi nơi; và cho đến ngày nay, một phần ba nhân-loại nhìn đức Phật như kẻ dẫn đường cho loài người được giải thoát.

Đạo Phật phân ra làm hai phái: phái Tiểu-Thừa ở phía Nam gồm các xứ Tích-Lan, Diên-Điện, Thái Lan, và mấy xứ Ấn Độ; phái Đại-Thừa ở phía Bắc, gồm các xứ Tây Tạng, Nam Mông-Cổ, Trung Hoa, Nhật-Bản (1). Hai phái ấy rất khoan-hòa với nhau là hai phương diện đắp đổi nhau làm thành một Đạo đầy-đủ.

Đạo Phật thường được gọi là Đạo Hòa-Bình, vì chưa bao giờ có một trận chiến tranh do Phật-Giáo gây ra. Và không có một người nào trong một thời nào bị một tổ-chức của Phật-Giáo hành-hạ vì những tin-tưởng và tư-tưởng riêng của mình.

1o/ Sự tự giải thoát cho mình là nhiệm-vụ khẩn-cấp nhất của mọi người. Nếu một kẻ bị trúng tên độc, kẻ ấy sẽ không đi hỏi cho ra những chi tiết về người đã bắn mình hay hỏi xem hình dáng và bề dài của chiếc tên như thế nào rồi mới chịu rút tên độc trong mình ra. Sự thông hiểu giáo-lý rộng rãi sẽ dẫn dần dần cùng với sự tiến triển trên đường Đạo. Trong lúc chờ-đợi, chúng ta hãy bắt đầu nhìn cuộc đời đúng như nó đã hiện ra với những kinh-nghiệm trực tiếp của chính mỗi chúng ta.

2o/ Điều hiển-nhiên trước nhất của cuộc đời là luật biến chuyển. Tất cả sự vật, từ một ô kiến cho đến một hòn núi, từ một ý nghĩ cho đến một đế quốc, đều phải trải qua bốn giai đoạn này: Thành, trụ, hoại, không. Chỉ có sự sống là vĩnh viễn, nhưng luôn luôn biểu hiện qua những hình thể mới. Cuộc đời nói theo người Trung-hoa là một cái cầu; cho nên đừng dựng nhà cửa gì ở trên ấy hết! cuộc sống là một làn sóng xao động, và ai bám víu vào một hình dáng, dù đẹp đẽ bao nhiêu, cũng sẽ đau khổ vì phải cưỡng lại làn sóng ấy.

3 / Luật biến-chuyển cũng áp dụng cả vào con Người (égo: ngã) nữa. Không có một nguyên lý nào ở trong một nhân-vật nào là bất diệt và không thay đổi. Chỉ có Chơn-Như (Réalité ultime), sự thật không thể nghĩ nghĩ ấy, là vượt ra khỏi sự biến chuyển; và tất cả hình thức của sự sống, kể cả con người nữa đều là hành tướng của sự thật ấy. Không ai nắm giữ mãi được dòng sống trôi qua đời mình, cũng như không một bóng điện nào có thể nắm giữ được mãi luồng điện chạy qua trong bóng điện.

4o/ Vũ-trụ là sự biểu-lộ của Pháp. Hết thảy các quả đều có nhân và tánh tịnh của mỗi người là do những ý-tưởng và hành động quá khứ của người ấy góp lại mà thành. Nghiệp báo điều-khiển tất cả đời sống. Người là kẻ tự
tạo lấy thân-cảnh riêng của mình; và sự phản ứng của

sau của mình. Nhờ ý nghĩ và hành động đúng đắn người có thể rửa sạch dần dần bản chất sâu kín của mình, và tự mình thực-hiện được sự giải-thoát ra khỏi vòng sanh tử luân hồi. Sự thực hiện ấy cần nhiều thời gian trải qua nhiều đời kiếp trên cõi trần này, nhưng cuối cùng mọi hình-thức của sự sống đều đến được bờ giác ngộ.

5°/ Dù hình-thể nó biến-đổi không cùng cực và bị hủy hoại luôn luôn, sự sống là một và không thể chia cách. Thật ra không có cái chết, tuy rằng mọi hình thức đều phải tiêu tan. Do sự hiểu biết bản thể là duy-nhất, sự sống đều như nhau qua mọi hình thức, mà phát sanh lòng từ-bi. Lòng từ-bi được xem như là luật chính của mọi luật (La Loi des Lois) - sự hòa hợp vĩnh viễn và kẻ nào phá sự hòa-hợp của sự sống sẽ phải đau khổ và tự làm chậm sự giác-ngộ của mình.

6°/ Vì sự sống chỉ là một, nên quyền lợi của những phần riêng cũng là quyền lợi chung của tất-cả. Trong si-mê con người tưởng rằng mình có thể tranh giành một cách có hiệu quả những quyền lợi riêng cho mình. Chính cái năng lực ích kỷ ấy gây ra khổ-não. Bởi những khổ não ấy con người tập thói bỏ dằn và cuối cùng, loại được nguyên-nhân đau khổ. Đức Phật dạy Tứ-diệu Đế, là a) Khổ đế, b) Tập Đế, c) Diệt đế, d) Đạo đế.

7 / Đạo-Đế là Bát chánh đạo, gồm có : chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh-tấn, chánh định, chánh tuệ. Vì đạo Phật là một luật để sống, nên cần phải theo đạo để được giải thoát. «Tránh các điều dữ, làm các việc lành, giữ tâm ý cho trong sạch; đó là lời dạy của chư Phật.»

8 / Chân như không thể diễn tả được và một Thượng-Đế có quyền lực không phải là Chơn-Như (ultime réalité). Đức Phật là một bậc đã phát xuất ở giữa nhơn loại mà trở thành một đấng hoàn-toàn sáng-suốt. Mục-đích của cuộc đời là được giác-ngộ. Nát Bàn, một trạng-thái của tâm-hồn, sự diệt ngã

ấy có thể đạt được trong cõi trần này. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh và sẽ thành Phật. «Hãy xây mặt mình nhìn vào chính mình : các người là Phật đó».

9°/ Từ Phật tánh đến thành Phật, phải đi qua «Trung đạo» đây là con đường đưa từ dục vọng đến thanh-tịnh, là một phương-pháp tu tập, tránh những cực đoan. Đức Phật đã theo con đường ấy cho đến cùng mà thành Phật. Con đường mà kẻ dẫn đường đã đi đó chúng ta cũng có thể đi được, nếu chúng ta muốn. Phật-Giáo chỉ mong mỗi ở tin dờ một tin-tưởng là tin-tưởng ở ý-nghĩ đúng lý trên. Kẻ theo đạo phải theo tất cả thân tâm của mình, chứ không phải chỉ riêng phần đặc sắc, và như thế phần lý-trí và tình cảm đều phải được trau dồi và phát triển đều nhau. Đức Phật vừa là đấng hoàn toàn từ-bi, vừa là đấng hoàn-toàn trí huệ.

40°/ Đạo Phật đặc biệt chú-trọng đến sự tập trung tư tưởng (định) và sự quán-tưởng về **mở-mang** phần lý trí. Đời sống tinh-thần cũng chiếm một phần **hệ trọng** như những hủ tập hằng ngày. Sự yên-tĩnh bên trong rất cần để đời sống được thăng-bằng. Người theo Phật phải luôn luôn cẩn thận và tự-chủ, phải kiềm chế xúc động (émotions mentales et émotionnelles) của mình trước những biểu tượng xao động (parade mouvante). Thái độ tự kiểm-điểm ấy trước mọi trường hợp mà người tin Phật biết rằng do họ tạo ra, giúp cho hoàn-toàn kiểm soát được những phản ứng của họ.

41 / Phật dạy : «Hãy tinh tấn để tự mình giải thoát cho mình.» Đạo Phật không công nhận một chân-lý nào do uy quyền đem lại trừ cái trực giác của mọi người, những trực giác này chỉ có uy-quyền riêng đối với mình thôi. Trong lúc giữ cho người khác thoát khỏi luân hồi Phật tử vẫn hiểu rằng mọi người đều phải chịu đau-khổ vì những nghiệp mình đã tạo ra. Lời cầu xin với Phật hay với một đấng Chúa chủ-tể nào cũng không tránh được luật Nhơn quả. Các bậc Tăng Già là những bậc thầy để dạy bảo tín đồ, là những gương mẫu để tín đồ

trung gian (intermédiaire) giữa thực thể và cá-thể (la Réalité et l'Individu). Đạo Phật rất khoan hòa đối với các tôn giáo và triết lý khác, vì nghĩ rằng không một người nào có quyền can-thiệp trên con đường đi đến đích của một người khác.

12°/ Đạo Phật không bị quạn, không trốn-thoát đời sống, không phủ-nhận sự hiện-hữu của một thần-thức linh-diệu, dù đạo Phật hiểu những danh từ này với một nghĩa khác. Đạo Phật là một hệ thống tư tưởng, một tôn-giáo, một môn học về nội tâm và một lối sống hợp lý tiện dụng và bao trùm tất cả. Trong hơn 2000 năm, đạo Phật đã hướng dẫn những ước vọng tinh thần của gần một phần ba nhân loại. Nó đã làm cho Tây-Âu phải chú ý, vì không có những tín-điều (dogmes). Nó làm thỏa-mãn được lý trí, dẫn mạnh vào chỗ tự mình dắt dẫn lấy mình mà vẫn khoan hòa, đối với những quan-điểm của kẻ khác. Nó gồm cả khoa học, đạo-giáo, triết-học, tâm-lý học, luân lý và nghệ-thuật. Phật giáo chỉ biết có người là kẻ sáng tạo ra cuộc sống hiện tại của mình và là chủ-lễ của đời mình.



VĂN ĐÀN
TRUYỆN-NGẮN

ĐÓN GIÓ HƯƠNG ĐÀM

*Hát lên! Người hát lên để ca tụng họ ta cái ánh sáng
bất diệt, vô thủy vô chung.*

RABINDRANATH TAGORE
(Fugitive)

TỔNG-ANH-NGHỊ

Gần một năm nay Tâm sống thư-thái trong khung cảnh Đao, được luôn luôn vô-về trong một bầu không-khí Đao, trong ánh Đao Từ-Bi.

Hiếu tâm-hồn Tâm cũng như đã hều đời sống nổi chìm thực tế của Tâm và không muốn hạn mình vì làn sóng đời vẫn đục mà phải mỗi-mòn, hao-hết, dần mất hết những gì tươi sáng, thanh-cro còn đang le-lói nơi cái tâm-hồn phóng-khí cáng ải, một người Đao-hữu chí-tinh đã khéo tìm cách để Tâm quen biết, và yên sống với cảnh già lam.

Là nạn nhân như ai của biển đời, khỏi lửa vì o giai-đoạn thử-thách mà Nhân-Loài đang ở vào giữa chuyển sang ngang, Tâm đã đau những cái đau đau cắt can-tràng, đã cay đắng những đắng cay mạt-lộ, đem lại bởi gì là (arg-tóc tù-lộ), điên-làn, tất cả gì là đau-thương hiện tại!

Là người, Tâm cũng đã theo dõi và được nếm qua, tuy không biết thế là rủi hay may, mùi vị ngọt bùi, ấm-êm của lợi-danh mà thế nhân thường gọi!

Lại là lãng-nhân, Tâm đã có những bàn chân đóng bụi quán-son và lồng ngực trẻ trai đã từng căng những khi trời hồ-hải!

Và không biết rủi hay may, mỗi khi Tâm mạo-hiêm trong ván cờ không đối-thủ, trong tính-toán tâm-lư đề trị-giá mình qua chuỗi ngày qua?

Bài tình-đổ không có trả lời, nên ngay nay người kim-

~~trở lại cảnh riêng của mình và sự phản ứng của~~

đủ cơ-đuyệt, chịu bình tĩnh an vui dưới cửa Thiền, sớm hôm làm ý của đức Tể-Tò, thỉnh Pháp-vị làm hương-hoa chơn chính chỗ Lý-Tướng.

Từ một cuộc biệt-ly không lời từ-giã và tháng ngày không cần phải đếm theo từng mảnh giấy con in xếp cố làm ra thứ-tự bởi tay người, Tâm đi xa lẫn những ham muốn, những đòi hỏi thiết-tha của dục-vọng. Với những bữa ăn thanh-đạm bằng rau dưa, Tâm vẫn tự thấy mình quá sung-túc, quá thừa-thãi làm cho chàng trước kia cắt chén và, là không thể nào quên đề tâm-hồn mình cùng bao nhiêu tâm-hồn khác thiếu-thốn, chân-thành hòa-giao qua mặt niệm. Có lẽ người chàng đã nhẹ bót cân đi, nhưng chàng cũng đã biết buồn cái buồn không xiết, khi hồi-tưởng đến xác thân đầy-dà của mình buổi trước, chỉ phương-phi được bằng «cao lương mỹ-vị» mà phảng-phất đầu đầy bóng dáng anh đồ-lễ hay chú vạn-chài, nặng-nề sát-khí.

Troag bổ vãi phủ nâu sồng khói mực, chàng còn mãi lo sơn chõng-chất của hàng Thiện-tri-thức hơn là liên-tưởng đến lựa tư môn-ma màu sắc dùng để hư-trương. Đối với gia-dinh nếu chẳng phải chàng thất-rút tình thương yêu vị-kỷ lại đề phòng thì niềm thiết tha lan rộng mãi ra, thì cũng đã lâu tâm-trí chàng gần gần vắng lặng vắng bóng thế nà. Tâm nghe chừng có một sức hạn-chế mãnh-liệt nào đang làm hẹp bờ cõi cảm-tình riêng tư của mình để mở ra một chân trời bao la của một cảm-tình ngày càng phồng-đại.

Đầu đầy một giòng lệ nóng không lại cạn của người quí-phụ vừa nửa chừng xuân, một tiếng nấc nảo-nùng của trẻ mồ-côi với một nhúm tóc xanh vô tội, hay là tiếng thỏa-thức của tuổi già tựa cửa, hoặc từ một phương hương nào, bước chân lao-lý của người nghĩa-sĩ, từ một góc trời nào, đôi mắt ai oán của kẻ cion lấp tự-do dưới đồng xích-xiêu, và còn biết bao nhiêu gì nữa, tất

dứt bóng hình trong từ tâm của gã Thiện-Nam. Bao nhiêu nỗ-lực, bao nhiêu dụng-cụ của bao nhiêu nhà hóa-học phải dùng trong vấn-đề phân-chất công-phu, bao nhiêu tri-chí, bao nhiêu tư-tưởng của bao nhiêu triết-gia phải cần đến trong việc luận-lý đá đánh, Tâm không vay mượn để phân biệt cho biết những ai trong này hay những ai ngoài kia vì sao mà tương-dồng, tương-quan để phải tương-liên với chàng đến thế? Chàng chỉ nhớ như chàng đã gặp họ trong cái «Bi-Nguyện» của chư Phật, của chư vị Bồ-tát mà thôi. Hẳng sa Như-Lai cùng khắp mười phương nào có nở rời xa Tâm giây phút nào, chàng tin như thế, và chàng nhận thấy người thiên-hạ với chàng gần-gũi nhau quá, qua trăm-hương Bát-Nhã !

Sau những buổi lễ Cầu-Siên, Cầu-An trước đài-Quang-Minh của Phật-Tổ, xong những giờ phút tri-tụng, chú nguyện, Tâm chỉ khỏi trách móc mình, khi chàng có cái cảm-giác rõ-ràng những gì quý giá nhất ở trong chàng đã san sẻ cho những ai đã mất và đi phảu-phát bất cứ ai ai đang hoạn-nạn, khổ đau.

Tâm cũng đã biết những đêm thanh—đêm lại càng thanh bởi tiếng chuông u-mĩn ngân-ngợi, tá-tư chàng thường mượn âm-ba ấy mà triển-miền trong cuộc viêndu thanh-thoát khắp cả Không-Gian ! Hương ngát, trầm thơm, lời kinh huyền-diệu, tâm-tưởng chàng thường gạt Thôi-Gian để gặp-gỡ với chư Phật ba đời !

Và đây, phong vận thuần-thành, tâm-tĩnh giải-thoát một Tăng-chúng đang sống nhịp-nhàng theo khuôn-khổ chơn-tỉnh-thần Phật-Giáo, đang kế-tiếp hình-dung đức-tướng Người Thờng-Còn của thành Ca-Tỳ-La-Vệ, màu-nhiệm ngàn xưa, đây là sức cảm-hóa cao-thâm, một sức điện-diệu-dụng vô cùng đã thấm hút, đã thu phục Tân-ngày thêm gần-gũi Đạo ! Chàng cảm thấy mình nhỏ quá, yếu quá trước Pháp-Vương Vô-thượng. Bao

trường đời từ trước đến nay, Tâm không dám biết có dư được chút gì cất làm của cải không, nhưng Tâm đã hiểu tại sao chàng vào đây chỉ vào với hai bàn tay trắng, mà lại phải công-nhận thêm nợ-nần tiền-kiếp như núi như non còn phải trả!

Nhưng Tâm không đoạt-giựt. Trái lại, chàng là người lo nợ.

...

Rồi có phải cảm động chẳng bởi một giai-âm, cảm-xúc chẳng vì vài ba thanh sắc, hay lưu-luyến chẳng bởi năm bảy cảm-tình, trên trang văn-chương, trong màu nghệ-thuật, dầu có thanh tao cho mấy - Tâm tự mình dẫn-do, cân-nhắc, làm ngược hẳn với cốt-cách phóng-lãng của con người sương gió ngày xưa!

Những cái gì của mình, chỉ để cho mình, chàng đã bắt đầu ngại-ngùng, e sợ. Nhỏ nhiệm cho đến một ý thoáng, nếu phải là phẫn hương thanh-tĩnh, Tâm cũng hứa có sự tung rải qua vờn đại-chúng. Tâm mơ hồ người Tâm không phải là của chỉ mỗi một riêng Tâm. Từ chỗ mơ hồ, Tâm hoài bão lướt mạnh đến chân trời quang-đỉnh, nhưng Tâm đã cảm thấy ngay một cuộc hành-trình xa vút, ngút mờ đầy những trở ngại đang chờ đợi. Một cuộc hành trình bát-nghát, mệnh-mông!

Nhưng không sao, cứ mỗi lần như thế, là sẵn-sàng đến với Tâm đôi mắt hiền lành, nụ cười từ-mãn mà Thời Gian không xóa, lấp không gian khốn cần ngăn, như dịu dàng, nâng-lớ để Tâm tràn-trề tin tưởng!

Chàng không ngại con đường xa đích ấy nữa. Nó đã có người đi, đã có người mạnh dạn cất bước đi rồi vắt lại hết quyền quý phù-hu, ân tình báo-ảnh, quyết tìm ra Chơn-Lý, giải-thoát quần-sanh, phá tan lưới Vô-Minh phong tỏa. Người đã làm chủ được trên con đường ấy, đã đốt khắp thiên-hạ lửa Đạo huy-hoàng, làm nổi gió hương Đám chuyết-rung vô-vai thế giới!

Mặc dầu nhỏ quá, mặc dầu yếu quá, Tâm không còn biết ngợp. Thản nhiên đón gió càng Thiệu-nam đao-giã cổ vươn mình lên cao, lên cao mãi, đáp lời cho đôi

NHỮNG MẪU CHUYỆN ĐẠO

phổ thông theo kinh Pháp-Cù thí-dụ

MINH-CHÂU

I. — CON ĐẠO TRONG TÂM,

— Loài người sao lại say mê chém giết nhau mãi như thế này. Trận chiến-tranh này chưa xong, lại tiếp diễn trận chiến-tranh khác? Phải chăng nhơn-loại đã đi đến con đường diệt-vong?

— Này-Đạo-hữu, hãy lắng nghe câu chuyện sau đây:

« Một thời ở Thành Xá-Vệ nước Ấn-Độ, đức Phật đến hóa độ cho một gia-đình kia, hai vợ chồng đều tham-lam độc-ác, không biết tôn-trọng đạo-đức. Ngài liền hóa một vị đạo-nhân đến khất-thực. Lúc ấy người chồng đi vắng, người vợ ở nhà thấy vị Đạo-nhân vào liền mắng chửi ầm lên. Vị Đạo-nhân nói: —

« Tôi là người tu-hành, chỉ xin ăn mà tự sống. Lòng chỉ mong gia-chủ cho bát cơm để đỡ đói lòng, sao lại mắng chửi tôi đủ điều như vậy »,

Người vợ tức giận hét ngược lên thì vừa người chồng về, trong tay cầm sẵn con dao; chẳng nói chẳng rằng, người chồng lặng-xong tôi, định chém vị Đạo-sĩ. Bỗng một bức thành bằng pha-lê hiện lên, bao bọc người đạo-sĩ, bức thành trong sáng, kiên-cố, không có cửa. người chồng đến xô đập dám chém cũng không sao chuyển nổi.

Người chồng liền nói: « Ông mở cửa cho tôi vào với ».

Vị Đạo-sĩ trả lời: « Được, nhưng ông hãy quăng con dao đi đã ».

Người chồng tự nghĩ: « mình to-lớn như thế này, còn người đạo-sĩ bé nhỏ thế kia, mình dùng hai tay không, cũng đủ giết chết vị Đạo-sĩ rồi ». Nói đoạn, liền quăng con dao đi xa; nhưng bức thành pha-lê vẫn y nguyên như cũ. người chồng tức giận hét lên: « Tôi đã quăng con dao đi rồi, sao

Vị Đạo-sĩ đáp : «Không, tôi không nói ông quăng con dao trong tay ông, tôi muốn ông quăng con dao trong tâm ông kia ».

Người chồng giục mình kinh sợ, nhận thấy vị đạo-sĩ hiểu rõ tâm ý thâm kín của mình, liền cúi xuống lạy tạ, ăn-năn hối-lỗi. Bức thành bỗng biến mất, vị Đạo-sĩ hiện thành đức Phật hào-quang chói sáng rực-rỡ, và tiếp-độ cho hai vợ chồng ».

— Đạo-hữu xem, đừng mong gì nhơn-loại sống Hòa-Thuận Tin-yêu mỗi khi loài người chỉ sống trong cảnh giới của danh ngôn ; đừng mong gì hòa-bình trở lại mỗi khi mọi người vẫn ôm giữ con dao trong tâm.

H) CÚNG TẾ VÀ CHỮA BỆNH.

— Tôi thấy nhiều Đạo-hữu theo đạo Phật cũng đã lâu, thế sao mỗi khi đau ốm lại cúng tế òn-ào, khẩn vái liên-miên.

Hỏi thì họ nói là vàng theo Phật dạy. Vậy đạo Phật là mê tín chăng ?

— Nghĩ cũng tội cho đạo Phật thiệt. Ở ngoài ngoài ta nhìn cử-chỉ của những người tự xưng là Phật-Tử, rồi vào theo đó mà phê-bình Phật-Giáo. Có bao giờ họ chịu khó tìm hiểu giáo-lý để hiểu thế nào là chơn tinh-thần đạo Phật đâu ? Đạo-hữu hãy nghe câu chuyện sau đây, rồi hiểu đạo Phật có phải là đạo cúng tế để chữa bệnh không.

«Một thời ở Ấn-Độ, có ông Vua tên là Hoà-Mặc, không biết tôn kính Tam-bảo, chỉ thờ quỷ thần, theo bọn Phạm-Chí, giết hại sinh-linh mà tế lễ. Một hôm, Mẫu-Hoàng bị bệnh nặng, các danh y đều phải bó tay, Vua phải mời các vị Bà-La-môn đến cúng tế. Các vị này nói rằng : «Mẫu Hoàng mắc bệnh là vì âm-dương không điều hoà, trời đất tinh-tú đảo lộn. Vậy phải thiết đàn tế giao, dùng 100 con thú, mỗi loài mỗi con và dùng một đĩa nhỏ, đem giết để tế thần linh, có vậy mới lành bệnh được ». Lệnh vua truyền ra, toàn dân trong nước đều khiếp sợ, nhà ai có con nít thì dấu kín trong nhà. Còn các loài thú bị tìm bắt

Đức Phật thương hại cho vị Quốc-Vương ngu mê vô trí, bèn cùng với đại chúng đến chỗ Tế đàn. Vua thấy Phật đường xa liền xuống kiệu cất lọng đánh lễ. Phật hỏi: «Đại-vương lập đàn làm gì?»

Vua đáp: «Mẫu hoàng lâm bệnh, phải lập đàn Tế sinh để cầu đảo trời đất quỷ thần».

Đức Phật nói: «Đại vương hãy nghe kỹ điều này: Muốn được lúa phải cấy bừa gieo mạ, muốn giàu sang phải bố-thí, muốn sống lâu phải làm lành, cứu người; muốn được trí-tuệ phải học-hành nghiên-cứu. Nghĩa là muốn được quả gì phải trồng nhân ấy, không thể lẫn-lộn.

Vã lại đã là người giàu có thì không bao giờ dùng đồ ăn-uống của kẻ nghèo. Các hàng Chư Thiên lấy 7 món báu làm cung điện, áo quần ăn uống đầy nhẫy, đâu có bỏ những món Cam-Lồ để đến ăn những thức ô-uế của loài người cúng tế hay sao? Tế tự cầu đảo chỉ làm mê hoặc chúng sanh, đảo lộn chánh tà; giết sinh mạng cứu sinh mạng làm người tiến mau đến cõi chết, tức là tự giết mình. Lúc bấy giờ đức Thế-Tôn bèn thuyết bài kệ rằng:

« Làm người muốn sống lâu

Phải làm hạnh đại-từ

Không nên thờ quỷ thần

Giết trâu ngựa tế tự ».

Đức Phật thuyết bài kệ xong, Vua liền lãnh ngộ được nghĩa đạo, tâm sanh hoan-hỷ. Mẫu hoàng nghe được lời Phật dạy trong lòng nhẹ-nhàng, tiêu-trừ được bệnh-hoạn, còn các vị Bà-la-môn liền ăn-năn, sám hối, xin thọ-giáo làm đệ-tử».

— Đạo-hữu xem: đau bệnh thì uống thuốc, đau bệnh thì nghe pháp để trừ tâm bệnh; muốn sống lâu thì phải cứu mạng cho tất cả sinh-linh. Đau bệnh mà cầu đảo là ngu dốt, giết người để cứu mình là tự sát.

Lời Phật dạy rõ-ràng như ban ngày, chỉ có loài người là

DỊCH THUẬT

Vị sáng lập Phật-giáo: PHẬT THÍCH-CA

của C. F. Potter (*les fondateurs des Religions*)

Cao hữu Đỉnh phổng dịch

L.T.S. - Chúng tôi trích đăng bài này vì nhận thấy tác giả có một thái độ vô tư rõ ràng trong lúc phê bình Phật giáo, và cũng muốn giới thiệu cho độc giả được rõ quan điểm của người Âu-Mỹ đối với đạo Phật như thế nào. Lẽ dĩ nhiên, có nhiều chỗ Tác-giả hiểu lầm đạo Phật, và trong một số sau, chúng tôi sẽ chỉ rõ những chỗ sai lầm ấy.

I. — Phật Thích Ca : Một Siêu Nhân.

Chúng ta được biết lịch-sử tân kỳ của đời Phật Thích-Ca, nhờ sự khảo-cứu đầy công và kiên-nhẫn của các bậc thông-thái đã chứng minh sau khi đem so-sánh kỹ càng Thánh kinh bằng tiếng Phạn mà mọi người đều biết từ lâu...

Những điều mâu-thuẫn, đặc-tánh của những siêu-nhân và của những nhà lãnh-đạo, đều có đầy đủ nơi Ngài. Khi thời Phật Thích-Ca hiện ra dưới hình-ảnh mờ ảo của một kẻ mơ-mộng Thần bí, lắm lúc tại lại thấy Ngài là môn-đồ cương-quyết của cơ học Đành rằng tánh-tình của Ngài có chỗ uỷ-mị, song cơ-cấu triết-học do Ngài tạo-lập nên lại xây dựng trên một nền luận-lý chặt-chẽ không thể chối-cải được. Với thuyết nhân-sinh khổ hải quá tâm-thường của Ngài lắm lúc làm cho ta phải khó chịu, nhưng liền sau đó, lại có những thuyết cao vút tuyệt-đích đưa ta đến một cõi vắng lặng thâm diệu ; chính trong những phút ấy ta nhận thấy Ngài dồn cả sinh-lực vào một cuộc thám-hiềm vô-biên trong tư-tưởng giới...

II. — Phật Thích Ca : Nhà Truyền Giáo. — (hay là một điển-giã biệt tài).

Tôn-giáo mới (chỉ đạo Phật) có một ảnh-hưởng lớn-lao không ngần và lời cuốn-quần-chúng phương đông một cách

thuyết khác và phơi bày ra ánh-sáng tất cả những điều sai lầm, đối trá của ngoại-đạo đương thời với những thần quyền vu-vơ và với sự cúng tế dựa trên nền móng lễ-nghi cồ hú. Những mẫu chuyện nhỏ nhỏ ứng đối một cách tài tình và lanh lẹ trong khi di truyền đạo từ mẫu chuyện kể sự đây chứng tỏ Ngài là một diễn-giả có một biện tài vô ngại, vừa là một nhà truyền giáo chân-chính.

Một hôm một người đàn bà đang bù-loa than khóc đưa con thơ mới chết đến hỏi thuốc hồi-sinh, Phật Thích-Ca bảo: « Nhà người đi tìm cho ta hạt cải (có chỗ nói là tro bếp) của nhà nào chưa có người chết đem về, ta sẽ chữa cho con nhà người sống lại » Mừng quýnh, người đàn bà đáng thương sau khi mang một mối hy-vọng đi tìm khắp chợ cùng quê, liền được ý-nghĩa thâm-thúy và giản-dị của lời dạy, liền đem con chôn cất rồi xin thụ giáclàm đệ-tử Phật.

III. — Phật Thích Ca: Vị Giáo Chủ Dân chủ Tiền Phong. —

Những sự lôi cuốn mạnh-mẽ của đạo Phật không chỉ vì Phật Thích Ca là một nhà truyền-giáo có biệt tài mà chính là nhờ thái độ và tư-tưởng dân-chủ của Ngài đối với quần-chúng.

Sinh trưởng trong một gia-đình quyền-quý giàu sang, bậc nhất, Ngài lấy làm vui thích mà sống một đời sống kham-khò của những kẻ nghèo khổ và lên án công-khai sự ức-biến lấn-áp bất công của kẻ giàu sang đối với người rệp lèn bèn. Lễ tự nhiên là tất cả những người nghèo bèn đều đến với Ngài một cách vui-vẻ thân ái như sau này họ đến với đức chúa Giê-Su. Tuy nhiên, Ngài vẫn quả-trách kẻ nghèo mà cứ theo thói ăn ở tà vạy xiên hoe. Ngài lưu-tâm đến sự trừ đời đức hạnh hơn trên hết của cải, địa-vị hay là nghi-lễ đền-tràng. Đó là một học-thuyết rất tấn-bộ đối với quan-niệm đương thời. Phật Thích-Ca lại còn tăng cường ảnh hưởng của học thuyết mình bằng cách truyền vào các phương-pháp hành-đạo thìc-gi-thường một giá-trị tinh-thần và vào các tục lệ đương thời nột

IV. — Phật Thích Ca Với Phương Pháp Giải Thoát. —

Phương-pháp giải-thoát chỉ nằm trong phạm vi tâm-lý và Phật Thích-Ca là nhà tâm lý học đầu tiên đem áp dụng lý thuyết mình ra thực-hành. Đặc-diểm nên ghi nhớ là sự giải-thoát không có liên quan gì với các sự cúng vái, cầu xin với trời thần, ma quỷ. Giải-thoát là một môn tâm-lý triết lý học hay là một môn triết-lý tâm lý học. Phật Thích-Ca là người đầu tiên trong thế-giới này tin và chủ-trương quả quyết rằng con người được giải thoát không phải nhờ thần thánh, ma quỷ hay sức thiêng-liêng gì ở ngoài ta phủ hộ, một sự cố gắng phát-triển tất cả khả-năng vô-biên của con người.

Mỗi khi cho đi-từ đi truyền đạo, Ngài luôn luôn dặn rằng: «Vi lòng Từ-bi rộng lớn, các người hãy đi gieo rắc hạnh-phước cho đời. Đừng đi trùng nhau một ngã đường». Các người hãy truyền đạo mà nhiệm bằng cách làm cho đời hiền thế nào là đời sống cao-cả, trong sạch, hoàn toàn và gương-mẫu.

V. — Thánh Kinh của Đạo Phật. —

Thánh kinh đạo Phật gồm có 3 phần gọi chung là «Tam tạng Kinh-Điển». Phần đầu là kinh-tạng gồm các bài giảng của Phật, phần thứ hai là luật tạng gồm các qui-điều dạy phương-pháp tu-luyện cho các tín-đồ cao cấp và phần thứ ba là luận tạng tức là pho sách thuyết minh học thuyết, một môn siêu-hình học khô khan. Một học-giả đã từng nói: «Phần thứ ba này rất khô-khan, nhưng như Sa-mặc Xa-Ha-Ra, nó làm cho người ta phải kinh nể vì cái mệnh-mông của nó».

Thánh Kinh nhà Phật chỉ mới được phiên dịch ra tiếng Anh và ngay cả tiếng Ba-Lý cũng thế — chỉ mới được một phần nhỏ. Khi mà người ta có thể dịch xong hết toàn cả ba tạng,

VI. — Phật-Giáo với Cơ-Đốc-Giáo. —

Từ khi đạo Phật được người Tây phương biết đến, giáo-pháp của Phật Thích-Ca lại càng ngày càng được Âu-Mỹ đề ý hơn lên. Lý-do là vì giữa hai tôn-giáo Cơ-đốc và Phật-giáo có chỗ tương đồng:

Cũng một thái-độ bi-quan Phật-giáo và Cơ-đốc-giáo chính thống xem thế-giới này là một nơi chẳng vui thích gì. Phật Thích-Ca và Chúa Giê-Su đều là những nhà cải cách những tôn-giáo đã có và là những nhà sáng-lập những học thuyết mới, cả hai đều là những nhà giảng đạo ngoài trời. Giê-Su nói bài giảng chính của ông ở trên núi, Phật Thích-Ca nói thuyết «luân-hồi» trong vườn Lộc-Uyển. A-Nan Đệ-Tử thương yêu nhất của Phật Thích-Ca đem so-sánh không khác gì Thánh Giảng và Đê-Bà Đạt Đa thì giống hệt Duy-Đa; còn ông tiên A-Tư-Đà khi thấy Phật Thích-Ca ra đời cũng tràn ngập một nỗi vui mừng vô hạn như Xi-mê-ông khi thấy chúa Giê-Su sơ-sinh. Ngoài ra hai bên còn nhiều chỗ tương-dồng khác, như chỗ cả hai cũng đều ra đời những thí-dụ để trình bày lý-thuyết mình.

Song quan-niệm về đời sống thì mỗi bên một khác:

Chúa Giê-Su tin ở đức chúa Trời và ở hiệu-quả của lời cầu-khẩn van xin. Phật Thích-Ca thì trái hẳn lại. Chúa Giê-Su bảo đời sống của con người là đầy ý-nghĩa, còn Phật Thích-Ca lại dạy diệt dục: diệt các tính hư-ảo. Kháo nhau hơn hết là cõi Thiêu-Đờng đầy khoái-lạc và cảnh Niết-Bàn vắng lặng thanh-cao.

VII. — Phật Giáo với Tây Phương. —

Sức hấp-dẫn của Phật-giáo đối với Tây-phương như trên đã nói là ở chỗ gặp-gỡ một vài điểm của hai tôn giáo, nhưng không chỉ ở các điểm tương-dồng ấy mà thôi, mà chính vì chỗ triết-lý «nhen-sinh-quan» của Phật Thích-Ca giống hệt

Không những từng thời kỳ một trong thuyết nhân sinh của nhà Phật nhắc ta liên-tưởng đến thuyết «tiên-hóa» mà cái trong nhà Phật gọi là «chánh» (tạm dịch ra là luật thiên-nhiên hay luật xã-hội) lại càng giống đúc từng điểm một với luật cơ lý (loi de la mécanique universelle) quản-trị tất cả vũ-trụ và nhân sanh, đặc tính của môn triết-học và ngày nay người ta gọi là Cơ-lý-học (Mécanisme)

Phần đông bây giờ ai cũng đồng ý với Phật Thích-Ca rằng người là một giọt nước bé tí trong biển đời. Rất có thể một khi được truyền bá sang châu Mỹ và dưới một hình thức mới, đạo Phật sẽ kéo dài thêm đời sống mình hơn. Ý nghĩa đã không có gì là kỳ quặc như người ta có thể tưởng tượng vì rằng nhiều đạo mới của Mỹ tỏ ra rất giống với... đạo Phật ở vai trò quan-hệ của tinh-thần đề chế ngự vật-chất và ở chỗ người Mỹ quan tâm đến phép quán-tưởng, đến sự thăng-bằng hòa-hợp giữa người và vũ-trụ

VIII. — Khuyết Điểm của Phật Giáo. —

Trái lại, giáo-lý nhà Phật cũng có nhiều tư-tưởng mà người phương Tây không công nhận được Tái-dụ như đạo Phật huỷ bỏ trí sáng-kiến của con người, nguồn gốc của tiến-bộ. Nó chú trương vô-vi và bị quạn đời với cuộc đời hiện tại : nhân sinh ít có giá-trị và thân-thể bị rỗng bỏ. Phật Thích-Ca không chuộng đời sống và gia-dinh và xem nữ giới như một giới thấp kém hẳn. Phật Thích-Ca không khuyến-kích nền tiến-bộ của xã-hội và lịch-sử chứ không minh rõ-ràng điều đó.

KẾT LUẬN.

Tuy nhiên phải công nhận các khuyết-diểm ấy đều có thể quy lỗi cho thời kỳ và hoàn-cảnh xã-hội mà Ngài đã sống. Lại phải công-nhận rằng phần góp-sức của Ngài vào sự phát-triển tư-tưởng con người rất lớn-lao gần như không tính xiết nổi. Ngài đã dạy cho người một kỹ-luật tinh-thần đề mưu hạnh-phúc và an-hưởng bình-định cho tâm-trí và in sâu vĩ-nh-viễn vào trí nhớ nhân-loại ý niệm tương-quan và tùy-thuộc của con người với luật biến-chuyển của vũ-trụ.

GIỚI-THIỆU SÁCH BAO

1) Quyền « Ảnh Đạo Vàng » của ông Võ-dinh-Cường. một tác phẩm về lịch-sử đức-Phật-Thích-Ca rất có giá-trị, số tái bản nay mai, giá mỗi quyền 15\$00.

2) Quyền « Bát-nhã Tâm kinh » chú giải của thầy Thích-Trí-Độ sẽ do Tổng Trị-sự hội Việt-Nam Phật-Học xuất bản vào ngày rằm tháng tư Âm-lịch.

3) Tạp chí « Giác ngộ » cơ quan truyền bá Văn-hóa Phật-giáo của ông Tráng Đình làm Chủ-nhiệm kiêm Quản lý sẽ xuất bản vào ngày mùng 8 tháng tư năm nay.

Vậy xin kính-cần giới-thiệu cùng chư vị Độc-giả.

VIÊN-ẨM

PHẬT HỌC DI GIẢI

Giải Nghi Thức Tụng Niệm của Hội Việt Nam Phật Học

THÍCH THANH THÙY

Vì nhận thấy một số đông các Đạo-Hữu của Hội chúng ta tụng-niệm theo nghi-thức của Hội, mà không được hiểu nghĩa, như vậy thấy thiếu phần lợi-ích, nên chúng tôi đem Nghi-thức ấy tạm dịch và giảng nghĩa vắn tắt, để giúp thêm lợi-ích bước đường tin Phật đầu tiên và việc tụng-niệm của các Đạo-Hữu.

NGHI THỨC TỊNH ĐỘ

PHẦN A. - Niêm hương lễ bái.

1. → (Cúng hương tán Phật.

(Thắp đèn đốt trầm xong, toàn-thể đứng ngay ngấn chấp tay đề ngang ngực mặt niệm :)

Tịnh pháp giới chơn ngôn: (1)

Úm lam xóa hoa (3 lần)

Tịnh tam nghiệp chơn ngôn: (2)

Úm ta phạ bà phạ, truật đà ta phạ, đạt ma ta phạ, bà phạ, truật độ hám (3 lần).

(Ngài chủ lễ thắp 3 cây hương, quỳ ngay thẳng cầm hương ngang trán niệm lớn bài cúng hương :)

DỊCH. — Nguyên mây diệu hương này,

Cúng khắp cả mười phương (3)

Cúng-dường các đức Phật, (4)

Tôn-pháp (5) và Bồ-tát. (6)

Không ngăn chúng Thanh văn, (7)

Cùng hết thấy Thánh-hiền.

Duyên khởi đài Quang-minh, (8)

Xứng tánh làm Phật sự. (9)

Khắp huân các chúng sanh, (10)

Đều phát tâm Bồ-đề, (11)

Xa lìa các vọng nghiệp (12)

Tron thành đạo Vô-thượng, (13)

(Xá bả xá rồi đọc bài kệ tán Phật) :

THƠ

Ngày Muôn-Thuở

Cây lá diễm-trang rung ánh ngọc,
Bông hoa thành kính gói trầm hương,
Không gian trong lặng, thanh thanh khí,
Đường mật, chìm đắm nhạc cúng đường!

— Sao khốc làm sao! Ai đón ai?

Phút giây tin lạ, ngại e hãi,
Vô-Uu thom dấu sen Tìc-Mầu!
Xuất-hiện tìc đây vị Cứu-Dời!

Trời mưa hoa, hoa mạn-dà-la!
Và hào-quang, màu sắc hằng-sa!
Tì-trúc thiên tiên, giờ hoan-lạc!
Địa-cầu rung động, vang âu-ca!

Hôm nay làm dậy nghìn xưa lại,
Quốc-độ nào không vắng vắng lời
Lâm-Tì Ni cũ, vườn thơ Đạo
Xuất-hiện Người luôn hướng dẫn người!

TỔNG ANH NGHỊ

(Trích tập THƠ PHẬT)

TIN TỨC

Lễ xuất gia và lễ kỷ niệm đệ thập thất chu niên của Hội Việt-Nam Phật Học (8/4 2312)

A) *Tại Thuận Hóa.* - Di cùng Tỉnh-Hội Thừa Thiên Đ. chức trong ngày mùng 7 một dân Đạc-Sư lang pháp tri chùa Hội-quán từ Đán dưới sự chứng minh của 6 vị Chứng-Minh Đại-Đạo-Sư hội Việt-Nam Phật-Học. Ngày mùng 8, sau lễ kỷ-niệm chánh-thức ngày đệ thập thất chu-niên của Hội đạo-hữu Chánh-Hội-Trưởng Tăng-Tri-Sư Lê văn-Định thay mặt toàn Hội đọc tại giảng đường Từ-Đàm một bài Diên-Văn kê lịch-sử Hội trong 17 năm qua và tôn chỉ mục đích Hội hiện đường theo đuổi. Trong dịp này có ấn-tổng: 3000 tờ lời kêu gọi và chương trình hành-động 3000 kinh Đạc-Sư, 5000 bài diên-văn, 2000 những lời Phật dạy để phân phát khắp tất-cả các hội Phật-Học ở Trung-Nam, Bắc.

B) *Tại Các Tỉnh Hội, Chi-Hội Và Khuôn Tỉnh-Độ.* - Trong hai ngày ấy, các Đạo-Hữu Chánh-hội-Trưởng, Khuôn Trưởng, Chi hội-Trưởng, Các Tỉnh-Hội Quảng-Bình, Quảng-Trị, Đà-Nẵng, Quảng-Nam, Lâm-Viên, Ninh-Thuận, các chi Hội Lệ-Thủy, Vĩnh Linh, Đồng-Hà, Triệu-Phong, Cầu-Bảo, Công-Hình và tại các khuôn Tỉnh-Độ cũng nhân-danh T.T.S. đọc bài diên-văn trên cho Hội-Viên và thiện tín nghe.

Trong dịp lễ T.T.S. có nhận của: Tỉnh-Hội Quảng-Bình: 100\$00 cúng lễ và ấn-tổng; Tỉnh-Hội Quảng-Trị: 500\$00 phụ-nạp quỹ T.T.S. Chi-Hội Đồng-Hà 300\$00 cúng lễ và ấn-tổng, 600\$00 cúng Phật Học tụng thư. Tỉnh Hội Đà Nẵng: 1300\$00 cúng Phật-Học tụng-thư và 600\$00 phụ nạp. Tỉnh Hội Quảng Nam 650\$00 ấn-tổng và 700\$00 Phật Học tụng thư. Tỉnh-Hội Ninh-Thuận 1000\$00. Tỉnh-Hội Đồng-Nai thượng cúng 500\$00 lễ và ấn tổng 1000\$00 phụ nạp quỹ T.T.S. Tỉnh Hội Lâm-Viên 1.160\$00 phụ nạp. Chi-Hội Cầu-Bảo 608\$00 cúng Phật-Học tụng-thư; chi-hội Công-Hình 500\$00 cúng Phật-Học tụng-thư. Chi-Hội Lệ-Thủy 500\$00 (chưa nhận được).

Chủ-nhiệm:
LÊ VĂN ĐỊNH

Quản lý:
TÔN THẮT HÀNG

Kiểm-Duyệt Số 68 ngày 21 - 4 - 1949

THẺ LỆ MUA BẢO

MỖI SỐ. 5\$

3 THÁNG. 15\$

6 THÁNG. 28\$

1 NĂM. 55\$

Bài vở và thơ từ lai cáo xin gửi
phòng giấy Tờ-Sạn Thầy Minh-Châu
số 1-B Nguyễn-Hoàng Huế.

Ngón phỉa và thư từ mua bảo xin
gửi phòng giấy Quản-ly Đạo hữu Tôn,
thất-Hàng số 4-B đường Gia-Long Huế.

